

Bài học ngày 29.6.2021

---

**BẬC ĐẠI GIÁC VÀ VẾT THƯƠNG CHÂN**  
**Kinh Miếng Đá Vụn (Sakalikasuttam)**  
CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM QUẢN TIÊN (S.i,27)

*Không ai có thể đoạt mạng một bậc chánh đẳng chánh giác. Thế nhưng điều có thể xảy ra là chúng sanh ác tánh có thể làm thân Phật chảy máu. Bài kinh này ghi lại sự việc Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) vì khát khao danh lợi cộng với oan trái nhiều đời đã lên núi Linh Thứu chọn một vị thế hiểm nghèo lăn đá định giết Phật. Tảng đá không rơi xuống mà kẹt lại. Tuy vậy một mảnh vụn nhỏ – như tên bài kinh này – văng trúng chân Bậc Đạo Sư tạo thành vết thương chảy máu. Đức Thế Tôn đã nhẫn chịu với cảm thọ khổ của thân với tâm an nhiên không phiền não. Hàng trăm chư thiên đến đánh lễ Phật. Một số đã nói lên kệ ngôn xưng tán phong thái phi phàm của bậc Đại giác.*



**Kinh Văn**

**Evam me sutam :**

1) Như vậy tôi nghe.

**ekam samayaṃ Bhagavā rājagahe viharati maddakucchimiṃ migadāye.**

Một thời Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), tại vườn Nai (Maddakucchi)

**Tena kho pana samayena bhagavato pādo sakalikāya [sakkhalikāya (ka.)]  
khato hoti. Bhusā sudam bhagavato vedanā vattanti sārīrikā vedanā dukkhā  
tibbā [tippā (sī. syā. kam. pī.)] kharā kaṭukā asātā amanāpā tā sudam Bhagavā  
sato sampajāno adhivāseti avihaññamāno.**

2) Lúc bảy giờ, chân Thế Tôn bị miếng đá bẻ đâm phải. Cảm thọ Thế Tôn mãnh liệt. Thân cảm thọ khổ đau, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt, không khoái tâm, không thích thú. Nhưng Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu, không phiền não.

**Atha kho Bhagavā catugguṇaṃ saṅghāṭiṃ paññāpetvā dakkhiṇena passena sīhaseyyaṃ kappeti pāde pādaṃ accādhāya sato sampajāno.**

3) Rồi Thế Tôn cho trải áo Sanghāti (Tăng-già-lê) xếp tư lại, nằm xuống phía hông bên phải như dáng điệu con sư tử, chân đặt trên chân, chánh niệm tỉnh giác.

**Atha kho sattasatā satullapakāyikā devatāyo abhikkantāya rattiya abhikkantavaṇṇā kevalakappaṃ maddakucchiṃ obhāsetvā yena Bhagavā tenupasaṅkamissa upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ aṭṭhaṃsu.**

4) Rồi bảy trăm ngàn tiên Satullapakāyikā, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Maddakucchi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

**Ekamantaṃ ṭhitā kho ekā devatā bhagavato santike imaṃ udānaṃ udānesi :**

5) Đứng một bên, một vị Thiên đọc lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

**"nāgo vata, bho, samaṇo gotamo nāgavatā ca samuppannā sārīrikā vedanā dukkhā tībā kharā kaṭukā asātā amanāpā sato sampajāno adhvāseti avihaññamānoti.**

-- Sa-môn Gotama thật là bậc Long tượng. Và với tư cách Long tượng, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, đau khổ, nhói đau, nhức nhối, khốc liệt, không khoái tâm, không thích thú, Ngài chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu, không phiền não.

**Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ udānaṃ udānesi :**

6) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

**"sīho vata, bho, samaṇo gotamo sīhavatā ca samuppannā sārīrikā vedanā dukkhā tībā kharā kaṭukā asātā amanāpā sato sampajāno adhvāseti avihaññamānoti.**

-- Sa-môn Gotama thật là bậc Sư tử. Và với tư cách Sư tử, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

**Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ udānaṃ udānesi :**

7) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

**"ājānīyo vata, bho, samaṇo gotamo ājānīyavatā ca samuppannā sārīrikā vedanā dukkhā tībā kharā kaṭukā asātā amanāpā sato sampajāno adhvāseti avihaññamānoti.**

-- Sa-môn Gotama thật là Lương tuấn mã. Và với tư cách Lương tuấn mã, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

**Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ udānaṃ udānesi :**

8) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

**"nisabho vata, bho, samaṇo gotamo nisabhavatā ca samuppannā sārīrikā vedanā dukkhā tibbā kharā kaṭukā asātā amanāpā sato sampajāno adhivāseti avihaññamānoti.**

-- Sa-môn Gotama thật là bậc Ngưu vương. Và với tư cách Ngưu vương, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

**Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ udānaṃ udānesi :**

9) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

**"dhorayho vata, bho, samaṇo gotamo dhorayhavatā ca samuppannā sārīrikā vedanā dukkhā tibbā kharā kaṭukā asātā amanāpā sato sampajāno adhivāseti avihaññamānoti.**

-- Sa-môn Gotama thật là bậc Nhẫn nại Kiên cường. Và với tư cách bậc Nhẫn nại Kiên cường, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

**Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ udānaṃ udānesi :**

10) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

**"danto vata, bho, samaṇo gotamo dantavatā ca samuppannā sārīrikā vedanā dukkhā tibbā kharā kaṭukā asātā amanāpā sato sampajāno adhivāseti avihaññamānoti.**

-- Sa-môn Gotama thật là một bậc Khéo điều phục. Và với tư cách là một bậc Khéo điều phục, Ngài nhẫn chịu thân thọ khởi lên, khổ đau... không có phiền não.

**Atha kho aparā devatā bhagavato santike imaṃ udānaṃ udānesi :**

11) Rồi một vị Thiên khác nói lên lời cảm hứng này trước mặt Thế Tôn:

**"passa samādhim subhāvitam cittaṅca suvimuttam, na cābhinatam na cāpanatam na ca sasaṅkhāraniggayhavāritagatam [sasaṅkhāraniggayhavāritavatam (sī. syā. kam. pī.), sasaṅkhāraniggayhavārivāvatam (ka.)]. Yo evarūpam purisanāgam purisasīham purisaājānīyam purisanisabham purisadhorayham purisadantam atikkamitabbam maññeyya kimaññatra adassanāti.**

-- Hãy xem tâm của Ngài khéo được tu tập Thiền định và giải thoát, không có nổi lên, không có chìm xuống, mọi hành động được tác thành, không có ai kích thích. Ai có thể nghĩ mình đi ngược lại một Long tượng như vậy, một bậc Sư tử như vậy,

một bậc Lương tuấn mã như vậy, một bậc Ngưu vương như vậy, một bậc Nhẫn nại Kiên cường như vậy, một bậc Nhiếp phục như vậy, trừ phi là một người mù.

**"Pañcavedā satam samam, tapassī brāhmaṇā caram.**

**Cittañca nesam na sammā vimuttam, hīnattharūpā na pāraṅgamā te..**

**"Taṇhāhipannā vatasīlabaddhā, lūkham tapam vassasatam carantā.**

**Cittañca nesam na sammā vimuttam, hīnattharūpā na pāraṅgamā te..**

Các vị Bà-la-môn,  
Tinh thông năm Vệ-đà,  
Dầu tu tập khổ hạnh,  
Cho đến hàng trăm năm,  
Tâm họ không có thể,  
Chon chánh được giải thoát.  
Tự tánh quá hạ liệt,  
Không đến bờ bên kia,  
Bị khát ái chi phối,  
Bị giới cấm trói buộc,  
Dầu tu tập khổ hạnh,  
Cho đến hàng trăm năm,  
Tâm họ không có thể,  
Chon chánh được giải thoát.  
Tự tánh quá hạ liệt,  
Không đến bờ bên kia.  
Ở đời không nhiếp phục,  
Kiêu mạn cùng các dục,  
Tâm không được an tịnh,  
Không tu tập Thiền định.  
Ở trong rừng cô độc,  
Nhưng tâm tư phóng dật,  
Vị ấy khó vượt khỏi,  
Sự chinh phục tử thân.  
Nhiếp phục được kiêu mạn,  
Khéo tu tập Thiền định,  
Tâm tư khéo an tịnh,  
Giải thoát được viên mãn,  
Ở trong rừng cô độc,  
Tâm tư không phóng dật,  
Vị ấy khéo vượt khỏi,  
Sự chinh phục tử thân.



## Thích văn

*Nāgo: rồng, rắn, voi, bậc long tượng.*

*Sīho: sư tử, bậc sư vương*

*Ājānīyo: ngựa thuần, bậc lương tuấn mã*

*Dhorayho: bò mộng, trâu đầu đàn, bậc ngưu vương*



## Thích nghĩa

*Trong văn hoá Ấn Độ, và dường như cũng trong thế giới của quân tiên, một số con vật được xem là biểu tượng của những tánh hạnh cao quý. Lý do đơn giản là loài vật thuần tánh không đa dạng phức tạp như con người. Thí dụ: sự uy dũng của chúa sơn lâm luôn giống nhau. Trong nghệ thuật điêu khắc và hội họa điều này trở nên rõ nét. Trên đầu trụ đá vua A Dục (Asoka pillar) có những phù điêu như voi, tuấn mã, sư tử, ngưu vương đều là biểu tượng tôn vinh Đức Phật.*

**Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu**

**Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng**

**-ooOoo-**



"Na mānakāmassa damo idhatthi, na monamatthi asamāhitassa.  
Eko araññe viharaṃ pamatto, na maccudheyassa tareyya pāranti..  
"Mānaṃ pahāya susamāhitatto, sucetaso sabbadhi vippamutto.  
Eko araññe viharamappamatto, sa maccudheyassa tareyya pārantntti..

## 8. Sakalikasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

38. Aṭṭhame **maddakucchisminti** evaṃnāmake uyyāne. Tañhi ajātasattumhi kucchigate tassa mātārā – “ayaṃ mayhaṃ kucchigato gabbho rañño sattu bhavissati. Kiṃ me iminā”ti? Gabbhapātanatthaṃ kucchi maddāpitā. Tasmā “maddakucchī”ti saṅkhaṃ gataṃ. Migānaṃ pana abhayavāsathāya dinnattā **miḡadāyoti** vuccati.

**Tena kho pana samayenāti** ettha ayaṃ anupubbikathā – devadatto hi ajātasattum nissāya dhanuggahe ca dhanapālakañca payojetvāpi tathāgatassa jīvitantarāyaṃ kātuṃ asakkonto “sahattheneva māressāmī”ti gijjhakūṭapabbataṃ abhiruhitvā mahantaṃ kūṭāgārappamaṇaṃ silaṃ ukkhipitvā, “samaṇo gotamo cuṇṇavicuṇṇo hotū”ti pavijjhi. Mahāthāmaṃ kiresa pañcannaṃ hatthīnaṃ balaṃ dhāreti. Aṭṭhānaṃ kho panetaṃ, yaṃ buddhānaṃ parūpakkena jīvitantarāyo bhavyeyyāti taṃ tathāgatassa sarīrābhimukhaṃ āgacchantaṃ ākāse aññā silā utṭhahitvā sampatiṇṇi. Dvinnāṃ silānaṃ sampahārena mahanto pāsāṇassa sakalikā utṭhahitvā bhagavato piṭṭhipādapariyantaṃ abhivāsi, pādo mahāpharasunā pahato viya samuggatalohitena lākhārasamakkhito viya ahoṣi. Bhagavā uddhaṃ ulloketvā devadattaṃ etadavoca – “bahu tayā moghapurisa, apuññaṃ pasutaṃ, yo tvaṃ paduṭṭhacitto vadhakacitto tathāgatassa lohitaṃ uppādesī”ti. Tato paṭṭhāya bhagavato aphaṣu jātaṃ. Bhikkhū cintayimsu – “ayaṃ vihāro ujjāṅgalo visamo, bahūnaṃ khattiyādīnañceva pabbajitānañca anokāso”ti. Te tathāgataṃ mañcasivikāya ādāya maddakucchiṃ nayimsu. Tena vuttaṃ – “tena kho pana samayena bhagavato pādo sakalikāya khato hotī”ti.

**Bhusāti** balavatiyo. **Sudanti** nipātamattaṃ. **Dukkhanti** sukhaṭṭhikkhepo. **Tibbāti** bahalā. **Kharāti** pharusā. **Kaṭukāti** tikhiṇā. **Asātāti** amadhurā. Na tāsū mano appeti, na tā manāṃ appāyanti vaḍḍhentīti **amanāpā**. **Sato sampajānoti** vedanādhivāsanāsatisampajāññaṃ samannāgato hutvā. **Avihaññaṃ** apīliyamāno, samparivattasāyitāya vedanānaṃ vasaṃ agacchantaṃ.

**Sīhaseyyanti** ettha kāmabhogiseyyā, petaseyyā, sīhaseyyā, tathāgataseyyāti catasso seyyā. Tattha “yebhuyyena, bhikkhave, kāmabhogī satta vāmena passena sentī”ti ayaṃ kāmabhogiseyyā. Tesu hi yebhuyyena dakkhiṇapassena sayāno nāma natthi. “Yebhuyyena, bhikkhave, petā uttānā sentī”ti ayaṃ petaseyyā. Appamaṃsalohitattā hi aṭṭhisāṅghāṭajātītā ekena passena sayitum na sakkonti, uttānāva senti. “Yebhuyyena, bhikkhave, sīho migarājā naṅgutṭhaṃ antarasatthimhi anupakkhipitvā dakkhiṇena passena setī”ti ayaṃ sīhaseyyā. Tejussadattā hi sīho migarājā dve purimāpāde ekasmiṃ, ‘pacchimāpāde ekasmiṃ ṭhāne ṭhapetvā naṅgutṭhaṃ antarasatthimhi pakkhipitvā purimāpādapacchimāpādanaṅgutṭhānaṃ ṭhitokāsaṃ sallakkhetvā dvinnāṃ purimāpādānaṃ matthake sīsaṃ ṭhapetvā sayati,



divasampi sayitvā pabujjhamāno na utrasanto pabujjhati, sīsaṃ pana ukkhipitvā purimapādādīnaṃ ʘhitokāsaṃ sallakkheti’. Sace kiñci ʘhānaṃ vijahitvā ʘhitaṃ hoti, “nayidaṃ tuyhaṃ jātiyā, na sūrabhāvassa anurūpa”nti anattamano hutvā tattheva sayati, na gocarāya pakkamati. Avijahitvā ʘhite pana “tuyhaṃ jātiyā ca sūrabhāvassa ca anurūpamida”nti haʘṭṭhatuʘṭho uʘṭṭhāya sīhavijambhitaṃ vijambhitvā kesarabhāraṃ vidhunitvā tikkhattuṃ sīhanādaṃ naditvā gocarāya pakkamati. Catutthajjhānaseyyā pana “tathāgataseyyā”ti vuccati. Tāsu idha sīhaseyyā āgatā. Ayañhi tejussadairiyāpathattā uttamaseyyā nāma.

**Pāde pādanti** dakkhiṇapāde vāmapādaṃ. **Accādhāyāti** atiādhāya, īsakaṃ atikkamma ʘhapetvā. Gopphakena hi gopphake jāṇunā vā jāṇumhi saṅghaʘṭṭiyamāne abhiṇṇaṃ vedanā uppajjati, cittaṃ ekaggaṃ na hoti, seyyā aphāsukā hoti. Yathā na saṅghaʘṭṭeti, evaṃ atikkamma ʘhapite vedanā nuppajjati, cittaṃ ekaggaṃ hoti, seyyā phāsu hoti. Tasmā evaṃ nipajji. **Sato sampajānoti** sayanapariggāhakasatisampajāññaena samannāgato. “Uʘṭṭhānasañña”nti panettha na vuttaṃ, gilānaseyyā hesā tathāgatassa.

**Sattasatāti** imasmiṃ sutte sabbāpi tā devatā gilānaseyyaʘṭṭhānaṃ āgatā. **Udānaṃ udānesīti** gilānaseyyaṃ āgatānaṃ domanassena bhavitabbaṃ siyā. Imāsaṃ pana tathāgatassa vedanādhivāsaṃ disvā, “aho buddhānaṃ mahānubhāvata! Evarūpāsu nāma vedanāsu vattamānāsu vikāramattampi natthi, sirīsayane alaṅkaritvā ʘhapitasuvaṇṇarūpakaṃ viya aniñjamānena kāyena nipanno, idānissa adhikataṃ mukhavaṇṇo viroceti, ābhāsammaṃ puṇṇacando viya sampati vikaṣitaṃ viya ca aravindaṃ assa mukhaṃ sobhati, kāyepi vaṇṇāyatanam idāni susammaʘṭṭhakañcanaṃ viya vipasīdatī”ti udānaṃ udapādi.

**Nāgo vata bhoti**, ettha **bhoti** dhammālapanam. Balavantatṭhena **nāgo**. **Nāgavatāti** nāgabhāvena. **Sīho vatāti**ādīsu asantāsanatṭhena **sīho**. Byattaparicayaʘṭṭhena kāraṇākāraṇajānanena vā **ājānīyo**. Appaṭisamatṭhena **nisabho**. Gavasatajettṭhako hi usabho, gavasahassajettṭhako vasabho, gavasatasahassajettṭhako nisabhoti vuccati. Bhagavā pana appaṭisamatṭhena āsabaṃ ʘhānaṃ paṭijānāti. Tenevatthena idha “nisabho”ti vutto. Dhuravāhaʘṭṭhena **dhorayho**. Nibbisevanatṭhena **danto**.

**Passāti** aniyamitaṇatti. **Samādhinti** arahattaphalasaṃmādhim. **Suvimuttanti** phalavimuttiyā suvimuttaṃ. Rāgānugataṃ pana cittaṃ abhinataṃ nāma hoti, dosānugataṃ apanataṃ. Tadubhayapaṭikkhepena **na cābhinataṃ na cāpanatanti** āha. **Na ca sasaṅkhāraniggayhavāritagatanti** na sasaṅkhārena sappayogena kilese niggahetvā vāritavataṃ, kilesānaṃ pana chinnattā vataṃ phalasaṃmādhinā samāhitanti attho. **Atikkamitabbanti** vihetṭetabbaṃ ghaʘṭṭetabbaṃ. **Adassanāti**

aññānā. Aññānī hi andhabālova evarūpe satthari aparajjheyyāti devadattaṃ ghaṭṭayamānā vadanti.

**Pañcavedāti** itihāsapañcamānaṃ vedānaṃ dhārakā. **Sataṃ samanti** vassasataṃ. **Tapassīti** tapanissitakā hutvā. **Caranti** carantā. **Na sammāvimuttanti** sacepi evarūpā brāhmaṇā vassasataṃ caranti, cittañca nesamaṃ sammā vimuttaṃ na hoti. **Hīnattarūpā na pāraṃ gamā teti** hīnattasabhāvā te nibbānaṅgamā na honti. ‘‘Hīnattharūpā’’tipi pāṭho, hīnatthajātikā parihīnatthāti attho. **Taṇhādhīpannāti** taṇhāya ajjhotthaṭā. **Vatasīlabaddhāti** ajavatakukkuravatādīhi ca vatehi tādiseheva ca sīlehi baddhā. **Lūkhaṃ tapanti** pañcātapatāpanaṃ kaṇṭakaseyyādikaṃ tapaṃ. Idāni sā devatā sāsanaṃ niyyānikabhāvaṃ kathentī **na mānakāmassāti**ādīmāha. Taṃ vuttatthamevāti. Aṭṭhamaṃ.